

**THÔNG BÁO**  
**TUYÊN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2019**  
**TẠI PHÂN HIỆU ĐHQG-HCM TẠI BẾN TRE**

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG, ngày 24/3/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-ĐHQG ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ” ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-XHNV-SDH ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH KH&NV về việc ban hành “Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2019 của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. HCM thông báo về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Phân hiệu ĐHQG-HCM tại Bến Tre năm 2019 như sau:

**I. NGÀNH TUYỂN SINH**

Số TT	Ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu	Các môn thi tuyển trình độ Thạc sĩ			Hình thức thi tuyển
			Ngoại ngữ (NN)	Cơ bản (CB)	Cơ sở (CS)	
1.	Công tác xã hội	30	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Công tác xã hội đại cương	Các phương pháp công tác xã hội	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận
2.	Đô thị học	30	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Môi trường và phát triển	Đô thị học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận
3.	Quản lý giáo dục	30	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Giáo dục học	Khoa học quản lý giáo dục	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận

**II. NGÀY THI, ĐỊA ĐIỂM THI VÀ LỆ PHÍ THI**

- Ngày thi: 18 và 19 tháng 5 năm 2019

- Địa điểm thi tuyển: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 10-12, Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lệ phí đăng ký thi : 100.000 đ

- Lệ phí thi/xét tuyển (nộp cùng với nộp hồ sơ dự tuyển) : 200.000 đ/môn

**III. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ TUYỂN SINH: 01 tháng sau ngày thi.**

**IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO : 02 năm, khai giảng vào tháng 9 năm 2019.**

**V. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ THI TUYỂN**

**1. Điều kiện xét tuyển**

- Người nước ngoài;

- Người tốt nghiệp đại học các chương trình chất lượng cao PFIEV;

- Người tốt nghiệp các chương trình đã được kiểm định ABET còn trong thời gian hiệu lực;

- Người tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của ĐHQG;

- Người tốt nghiệp đại học chính quy từ các chương trình đào tạo đã được công nhận kiểm định quốc tế hoặc khu vực được ĐHQG-HCM công nhận còn trong thời gian hiệu lực, có điểm trung bình tích lũy từ 7,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Người tốt nghiệp đại học chính quy, văn bằng 2 từ các cơ sở đào tạo đã được công nhận kiểm định quốc

tế hoặc khu vực được ĐHQG-HCM công nhận còn trong thời gian hiệu lực, có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Người tốt nghiệp chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Người tốt nghiệp chính quy, văn bằng 2 chính quy loại giỏi, có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10). Thời gian xét tuyển các trường hợp trên (trừ người nước ngoài) là 12 tháng tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển;

- Các chương trình đặc biệt theo Đề án được Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.

**2. Điều kiện thi tuyển:** các đối tượng không thuộc diện xét tuyển tại Mục 1.

\* Người có văn bằng và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Thông tin về đăng ký văn bằng do nước ngoài cấp xem tại đường link: <https://cnvb.wordpress.com/>

## VI. CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG/CHUYÊN ĐỔI KIẾN THỨC

- Bổ sung kiến thức dành cho ngành gần: tối thiểu 10 TC;

- Chuyển đổi kiến thức dành cho ngành khác thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn: tối thiểu 15 TC;

- Chuyển đổi kiến thức dành cho ngành khác không thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn: tối thiểu 20 TC;

- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển phải học bổ sung kiến thức, người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải học chuyển đổi kiến thức theo quy định.

**\* Danh mục ngành đúng – phù hợp, ngành gần và ngành khác:**

Ngành tuyển sinh	Danh mục ngành đúng - phù hợp	Danh mục ngành gần	Danh mục ngành khác
Công tác xã hội	CTXH, Xã hội học, Tâm lý học, Phụ nữ học, Giới, Quản lý dự án, Phát triển nông thôn, Phát triển cộng đồng.	Giáo dục học, Nhân học, Lịch sử, Địa lý, Văn học và Ngôn ngữ, Lưu trữ học – Quản trị văn phòng, Thư viện thông tin học, Văn hoá học, Du lịch, Đô thị học, Báo chí truyền thông, Đông phương học, CNXHKKH, Dân tộc học, Hành chính học và các cử nhân ngành ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài.	-Nhóm ngành: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, sức khoẻ, Môi trường và bảo vệ môi trường - Khoa học môi trường, Khoa học sự sống, Nông, lâm, nghiệp thủy sản, An ninh quốc phòng, Kiến trúc và xây dựng, Sản xuất và chế biến, Khoa học tự nhiên, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật.
Đô thị học	Đô thị học; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Kiến trúc.	Xây dựng, Quản lý xây dựng, Địa lý học, Xã hội học, Nhân học, Công tác xã hội, Văn hoá học, Khoa học môi trường, Luật, Quản lý nhà nước.	Thuộc nhóm ngành KHXH&NV: Lịch sử, Khảo cổ học, Quan hệ quốc tế, Tâm lý học, Giáo dục học. Không thuộc nhóm ngành KHXH&NV: Quản lý tài nguyên môi trường, Kiến trúc cảnh quan (thiết kế cảnh quan), Quản lý đất đai, Kinh tế bất động sản, Kinh tế xây dựng và quản lý dự án, Hạ tầng kỹ thuật đô thị, Quản lý dự án và đầu tư xây dựng, Kinh tế xây dựng, Quản trị kinh doanh.
Quản lý giáo dục	Quản lý Giáo dục, Giáo dục học.	Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Các ngành sư phạm ngôn ngữ khác thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên.	Các ngành còn lại

**\*Danh mục các môn học bổ sung và chuyển đổi kiến thức đối với các ngành gần và khác:**

<b>Ngành tuyển sinh</b>	<b>Môn học ngành gần</b>	<b>Môn học ngành khác thuộc khối ngành KHXH&amp;NV</b>	<b>Môn học ngành khác không thuộc khối ngành KHXH&amp;NV</b>
Công tác xã hội	1. Công tác xã hội đại cương (2TC) 2. Công tác xã hội với cá nhân (2TC) 3. Công tác xã hội với nhóm (2TC) 4. Tổ chức và phát triển cộng đồng (2TC) 5. Hành vi con người và môi trường xã hội (2TC)	1. Công tác xã hội đại cương (3TC) 2. Công tác xã hội với cá nhân (3TC) 3. Công tác xã hội với nhóm (3TC) 4. Tổ chức và phát triển cộng đồng (3TC) 5. Hành vi con người và môi trường xã hội (3TC)	1. Công tác xã hội đại cương (4TC) 2. Công tác xã hội với cá nhân (4TC) 3. Công tác xã hội với nhóm (4TC) 4. Tổ chức và phát triển cộng đồng (4TC) 5. Hành vi con người và môi trường xã hội (4TC)
Đô thị học	1. Đô thị học đại cương (3TC) 2. Lý thuyết quy hoạch (2TC) 3. Kiến trúc đại cương (3TC) 4. Kỹ năng xử lý và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu đô thị (2TC)	1. Đô thị học đại cương (3TC) 2. Lý thuyết quy hoạch (2TC) 3. Kiến trúc đại cương (3TC) 4. Lịch sử đô thị (2TC) 5. Quản lý môi trường đô thị (3TC) 6. Luật và đánh giá chính sách đô thị (2TC)	1. Đô thị học đại cương (3TC) 2. Lý thuyết quy hoạch (2TC) 3. Kiến trúc đại cương (3TC) 4. Lịch sử đô thị (2TC) 5. Quản lý môi trường đô thị (3TC) 6. Luật và đánh giá chính sách đô thị (2TC) 7. Dự án phát triển cộng đồng (2TC) 8. Đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường dự án (3TC)
Quản lý giáo dục	1. Đại cương Khoa học quản lý và quản lý giáo dục (4TC) 2. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục (3TC) 3. Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục (3TC)	1. Đại cương Khoa học quản lý và quản lý giáo dục (4TC) 2. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục (3TC) 3. Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục (3TC) 4. Lý thuyết giáo dục (4TC) 5. Cơ sở tâm lý học trong hoạt động giáo dục (3TC)	1. Đại cương Khoa học quản lý và quản lý giáo dục (4TC) 2. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục (3TC) 3. Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục (3TC) 4. Lý thuyết giáo dục (4TC) 5. Cơ sở tâm lý học trong hoạt động giáo dục (3TC) 6. Nhập môn xã hội học giáo dục (3TC)

**VII. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ**

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường ĐH KHXH&NV thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật.

d) Có giấy chứng nhận điểm ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên trong kỳ tuyển sinh sau đại học do ĐHQG-HCM tổ chức còn hiệu lực 2 năm kể từ ngày tuyển sinh môn ngoại ngữ đến ngày nộp hồ sơ;

đ) Thí sinh có chứng chỉ/chứng nhận B1, B2 của các cơ sở đào tạo: Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm TP HCM, Trung tâm SEAMEO RETRAC,

Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế, Trường ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Cần Thơ.

e) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tối thiểu cấp độ B1 trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép hoặc công nhận:

### 1. Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	VNU-EPT
B1	4.5	450 PBT/ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	201

### 2. Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau B1	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N3

## VIII. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

### 1. Đối tượng ưu tiên:

#### 1. Đối tượng ưu tiên:

1.1. Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con liệt sĩ; anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; người dân tộc thiểu số; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

1.2. Cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý các doanh nghiệp (hiện đang công tác tại các đơn vị đóng trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ) dự thi các chương trình liên kết đào tạo tại địa phương được ĐHQG-HCM cho phép đào tạo.

#### 2. Mức ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 1.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi (Cơ bản hoặc Cơ sở). Nguyên tắc ưu tiên như sau: Khi 01 môn thi có điểm <5.0 và 01 môn thi  $\geq$ 5.0 thì cộng 1.0 điểm cho môn thi có điểm dưới trung bình. Các trường hợp còn lại thì cộng 1.0 điểm vào môn Cơ sở;

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 1.2 được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định.

## IX. PHÁT HỒ SƠ, BỔ SUNG – CHUYÊN ĐỔI KIẾN THỨC, ÔN TẬP CHUẨN BỊ THI TUYỂN

### 1. Phát và nhận hồ sơ dự tuyển:

- Phát và nhận hồ sơ: từ ngày 30/01/2019 đến hết ngày 15/4/2019

- **Địa điểm:** Phân hiệu ĐHQG-HCM tại Bến Tre – Địa chỉ Số 99A Quốc lộ 60, Khu phố 1, phường Phú Tân, TP Bến Tre

- **Lệ phí hồ sơ:** 50.000 đ

**2. Các lớp bổ sung, chuyển đổi kiến thức:** dành cho thí sinh tốt nghiệp ngành gần, ngành khác (*Chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí. Những thí sinh thuộc diện bổ sung, chuyển đổi kiến thức nên đăng kí sớm*).

- Thời gian đăng ký : 30/01/2019 – 08/3/2019
- Thời gian học : 08/3/2019 – 15/4/2019
- Địa điểm học : Phân hiệu ĐHQG-HCM tại Bến Tre
- Học phí : 403.000/tín chỉ

**3. Các lớp ôn tập:**

- Môn cơ bản: 60 tiết; môn cơ sở: 30 tiết; môn ngoại ngữ (tiếng Anh): 60 tiết.
- Thời gian ôn tập từ ngày 15/4/2019 đến hết ngày 15/5/2019
- Địa điểm ôn tập : Phân hiệu ĐHQG-HCM tại Bến Tre
- Học phí : 50.000đ/tiết

• **Lưu ý:**

- Thí sinh không được rút hồ sơ sau khi đã nộp;
- Thí sinh không được hoàn tiền ôn tập, bổ sung, chuyển đổi kiến thức sau khi có lịch học.

\* **Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ:**

*Phòng Sau Đại học, Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM.  
Phòng B.109, số 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 028.3910.0221 - 121; Email: [saudaihoc@hcmussh.edu.vn](mailto:saudaihoc@hcmussh.edu.vn)  
Website: <http://sdh.hcmussh.edu.vn>*

**Nơi nhận:**

- PH ĐHQG-HCM (để phối hợp);
- Thí sinh dự thi;
- Lưu: SDH, HC-TH.

